



## DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

### LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG  
ngày tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/  
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm hóa dệt**  
*Laboratory:* **Chemical-Weave Laboratory**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH hóa dệt Hà Tây**  
*Organization:* **Ha Tay Chemical - Weave Company Limited**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1608**

Chuẩn mực công nhận  
*Accreditation criteria* **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Cơ**  
*Field:* **Mechanical**

Người quản lý/  
*Laboratory manager:* **Phạm Ngọc Hiền**

Hiệu lực công nhận  
*Period of Validation:* **Kể từ ngày /12/2025 đến ngày /12/2030**

Địa chỉ/Address: **Thôn Hạnh Đàn, xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội**  
**Hanh Dan village, O Dien ward, Ha Noi city**

Địa điểm/ Location: **Thôn Hạnh Đàn, xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội**  
**Hanh Dan village, O Dien ward, Ha Noi city**

Điện thoại/ Tel: **02433 660 674**

Email: **chuyenvt@hatayshoes.vn**

Website: **www.hatayshoes.vn**

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN***LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1608****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

| TT | Tên sản phẩm, vật liệu được thử/<br><i>Materials or product tested</i>       | Tên phép thử cụ thể/<br><i>The name of specific tests</i>                                                                                       | Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo<br><i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i> | Phương pháp thử/<br><i>Test method</i> |
|----|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1. | <b>Phụ kiện, chi tiết giày</b><br><i>Accessories, components of footwear</i> | Xác định độ bền của lỗ ô dê các chi tiết buộc trên giày<br><i>Determination of strength of eyelet facing and other laced fastenings</i>         | Đến/to 1 kN                                                                                            | SATRA TM149:2021                       |
| 2. |                                                                              | Xác định độ bền của khuy cài với quai trên giày<br><i>Determination of strength of buckle and the strap attachments</i>                         | Đến/to 1 kN                                                                                            | SATRA TM181:2017                       |
| 3. |                                                                              | Xác định độ bền của nơ trang trí<br><i>Determination of the durability of a decorative bow</i>                                                  | Đến/to 1 kN                                                                                            | SATRA TM117:2023                       |
| 4. | <b>Giày thành phẩm</b><br><i>Completed footwear</i>                          | Xác định độ bền bong tróc của các liên kết đế giày<br><i>Determination of peel strength of footwear sole bonds</i>                              | Đến/to 2 kN                                                                                            | SATRA TM411:2025                       |
| 5. | <b>Vật liệu dệt và da</b><br><i>Textile and Leather</i>                      | Xác định độ bền màu với ma sát.<br>Thử chà xát<br><i>Determination of colour fastness to rubbing.</i><br><i>Crockmeter Test</i>                 | Grade: 0 ~ 5                                                                                           | SATRA TM167:2017                       |
| 6. |                                                                              | Xác định khối lượng trên một đơn vị diện tích của vật liệu làm giày dép<br><i>Determination of the mass per unit area of footwear materials</i> | Đến/to 300 g/mm <sup>2</sup>                                                                           | SATRA TM28:1994                        |
| 7. | <b>Giày thành phẩm</b><br><i>Completed footwear</i>                          | Xác định độ bền kháng gập của giày<br><i>Determination of resistance of footwear to flexing</i>                                                 | Đến/to 100 000 chu kỳ/ cycle                                                                           | SATRA TM92:2016                        |
| 8. | <b>Dây giày</b><br><i>Shoelaces</i>                                          | Xác định bền kéo đứt và độ giãn dài kéo đứt của dây giày<br><i>Determination of breaking force and extension at break of shoelaces</i>          | Đến/to 2 kN                                                                                            | SATRA TM94:2018                        |

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN***LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1608**

| TT | Tên sản phẩm, vật liệu được thử/<br><i>Materials or product tested</i>                              | Tên phép thử cụ thể/<br><i>The name of specific tests</i>                                  | Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo<br><i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i> | Phương pháp thử/<br><i>Test method</i> |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 9. | <b>Cao su, nhựa đế ngoài, vật liệu đế giày</b><br><i>Rubber, plastics outsole, soling materials</i> | Xác định độ bền kéo đứt đường may<br><i>Determination of the tensile strength of seams</i> | Đến/to 50 N/mm                                                                                         | WTM180:2018                            |

**Chú thích/ Note:**SATRA: *Shoe & Allied Trades Research Association;*WTM: *Wolverine test method;*

Trường hợp Công ty TNHH hóa dệt Hà Tây cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH hóa dệt Hà Tây phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Ha Tay Chemical - Weave Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

